

Phụ lục XXXIa²⁰⁶
BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN, NỘI DUNG MIỄN THUẾ XUẤT KHẨU
ĐỐI VỚI SẢN PHẨM ĐƯỢC SẢN XUẤT TỪ HOẠT ĐỘNG TÁI CHẾ,
XỬ LÝ CHẤT THẢI
(Kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

1. Tên tổ chức, cá nhân:
2. Tên dự án đầu tư/cơ sở:
3. Địa điểm hoạt động:
4. Tài liệu chứng minh đáp ứng tiêu chí quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 134 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, bao gồm:
 - a) Giấy phép môi trường (GPMT) hoặc GPMT thành phần (Bản sao).
 - b) Hợp đồng hoặc tài liệu minh chứng điều kiện bảo đảm chất lượng hàng hóa xuất khẩu theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa (Bản sao).
 - c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với trường hợp dự án/cơ sở được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư), giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương (Bản sao).
 - d) Khối lượng sản phẩm miễn thuế xuất khẩu được tính theo khối lượng sản phẩm sau tái chế, xử lý chất thải có trong sản phẩm đề nghị miễn thuế (không bao gồm: phụ gia; phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài để sản xuất; nguyên liệu có nguồn gốc từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải của tổ chức, cá nhân khác), cụ thể:

| TT | Khối lượng chất thải đầu vào (kg) | Khối lượng sản phẩm sau tái chế, xử lý có trong sản phẩm xuất khẩu đề nghị miễn thuế (kg) | Khối lượng phụ gia, nguyên liệu khác có trong sản phẩm miễn thuế đề nghị miễn thuế (kg) | Khối lượng sản phẩm xuất khẩu (kg) ^(*) |
|-----|-----------------------------------|---|---|---|
| 1 | | | | |
| ... | | | | |
| | | TỔNG CỘNG | | |

Trường hợp có từ 02 sản phẩm trở lên được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải thì kê khai thông tin riêng theo từng sản phẩm.

Tổ chức, cá nhân cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác khi kê khai, cung cấp thông tin và các hồ sơ, tài liệu minh chứng kèm theo.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký tên, đóng dấu)

²⁰⁶ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại mục 19 Phụ lục được ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2025.

Phụ lục XXXIb²⁰⁷**BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN, NỘI DUNG MIỄN THUẾ NHẬP KHẨU ĐỐI VỚI MÁY MÓC, THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN, DỤNG CỤ, VẬT TƯ CHUYÊN DÙNG ĐỂ SỬ DỤNG TRONG CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG***(Kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)*

1. Tên tổ chức, cá nhân:
2. Tên dự án đầu tư/cơ sở:
3. Địa điểm hoạt động:
4. Tài liệu chứng minh đáp ứng tiêu chí quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 134 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP bao gồm:
 - a) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với trường hợp dự án/cơ sở được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư), giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương (Bản sao).
 - b) Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng (trong đó, có danh mục máy móc, thiết bị, phương tiện, dụng cụ, vật tư chuyên dùng để sử dụng trong công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật (Bản sao).
 - c) Giấy phép môi trường (GPMT) hoặc GPMT thành phần hoặc Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trong trường hợp dự án, cơ sở chưa có Giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần (Bản sao).
 - d) Hợp đồng hoặc chứng từ mua bán hàng hóa (trong đó có danh mục máy móc, thiết bị, phương tiện, dụng cụ, vật tư chuyên dùng để sử dụng trong công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường) phục vụ triển khai dự án, cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung và dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (Bản sao).

²⁰⁷ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại mục 19 Phụ lục được ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2025.

đ) Thông tin, số liệu về máy móc, thiết bị, phương tiện, dụng cụ, vật tư chuyên dùng đề nghị miễn thuế nhập khẩu không thuộc Danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng, nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước đã sản xuất được do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành.

e) Danh sách hàng hóa, sản phẩm đề nghị miễn thuế sử dụng tại dự án, cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung và dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, cụ thể:

| TT | Tên hàng hóa | Mã HS | Đơn vị tính | Số lượng | Trị giá | Mục đích sử dụng |
|-----------|---------------------|--------------|--------------------|-----------------|----------------|-------------------------|
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| ... | | | | | | |

Tổ chức, cá nhân cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác khi kê khai, cung cấp thông tin và các hồ sơ, tài liệu minh chứng kèm theo.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XXXI
DANH MỤC NHÓM CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ, SẢN PHẨM
CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

1. Thiết bị, sản phẩm để xử lý khí thải.
2. Thiết bị, sản phẩm để xử lý nước thải, tái sử dụng nước thải.
3. Thiết bị phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại và các thiết bị tái chế chất thải, phế liệu khác.
4. Thiết bị để phá dỡ phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy hết thời hạn sử dụng.
5. Thiết bị, phụ tùng thay thế phục vụ hệ thống xử lý chất thải, trạm trung chuyển và công trình bảo vệ môi trường khác.
6. Thiết bị đo lường, giám sát môi trường.
7. Thiết bị, sản phẩm phục vụ sản xuất năng lượng từ chất thải.
8. Hóa chất, chế phẩm sinh học, vật liệu, vật tư thay thế phục vụ xử lý chất thải, bảo vệ môi trường.
9. Thiết bị, sản phẩm phục vụ bảo tồn đa dạng sinh học.
10. Thiết bị, sản phẩm phục vụ khắc phục sự cố môi trường.
11. Thiết bị, sản phẩm khác phục vụ yêu cầu bảo vệ môi trường.
12. Công nghệ chế tạo, sản xuất thiết bị, sản phẩm quy định tại Phụ lục này.